

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm tài chính 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sông Đà 10
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900189357, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/05/2015.
- Vốn điều lệ: **427.323.110.000 đồng** (Bốn trăm hai bảy tỷ, ba trăm hai ba triệu, một trăm mười nghìn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **427.323.110.000 đồng**
- Địa chỉ: Tầng 10, 11 khu B, toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 37683998
- Số Fax: 024 37683991/024 37683997
- Website: songda10.com.vn
- Mã cổ phiếu: SDT
- Các từ ngữ viết tắt:

Công ty cổ phần Sông Đà 10:	Công ty
Đại hội đồng cổ đông:	DHĐCĐ
Hội đồng quản trị:	HĐQT
Ban kiểm soát:	BKS
Sản xuất kinh doanh:	SXKD

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà 10 là đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà, tiền thân là Công ty Xây dựng công trình ngầm được thành lập theo quyết định số 54/BXD-TCCB ngày 11/2/1981 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển, Công ty có nhiều tên gọi khác nhau như: Công ty Xây dựng công trình Ngầm, Công ty xây dựng Công trình ngầm Sông Đà 10 và đổi tên thành Công ty Sông Đà 10 vào năm 2002.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã tham gia thi công xây dựng các hạng mục công trình ngầm, khoan nổ mìn bằng hố móng công trình, khoan phun

gia cố và xử lý nền móng,... tại các công trình xây dựng lớn của Quốc gia như: Nhà máy thủy điện Hòa Bình - công suất 1.920 MW, nhà máy thủy điện Yaly công suất 720 MW, nhà máy thủy điện Sông Hinh, Hàm đường bộ qua đèo Hải Vân, đường Hồ Chí Minh, thủy điện Sơn La, thủy điện Huội Quảng, thủy điện Lai Châu, thủy điện Thượng Kon Tum, hàm đường bộ qua Đèo Cả, công trình Hàm mũi Trâu... thủy điện Xekaman3, thủy điện Đăkmi2. Ngoài ra Công ty tham gia xây dựng các công trình tại nước CHDC nhân dân Lào như: Công trình Namtheun, Nam Emoun.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà Nước về sắp xếp, đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Từ năm 2005, Công ty đã từng bước tiến hành Cổ phần hóa doanh nghiệp, ngày 14/11/2005 Bộ trưởng Bộ Xây dựng có quyết định số 2114/QĐ-BXD chính thức chuyển Công ty Sông Đà 10 thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 12 năm 2005 Công ty chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0103010419 do sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/05/2015.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 43/QĐ-TTGDHN ngày 27/11/2006 với mã chứng khoán SDT. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

Các sự kiện khác

Năm 2014, thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2014 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thực hiện việc sáp nhập Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 vào Công ty theo hình thức hoán đổi cổ phiếu. Sau khi hoàn thành việc sáp nhập, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 (hiện nay là Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1)

Tại thời điểm thành lập, Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng. Trải qua nhiều năm hoạt động và thông qua các đợt phát hành tăng vốn, đến thời điểm cuối năm 2019 Vốn điều lệ của Công ty là 427.323.110.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình ngầm và dịch vụ dưới lòng đất;
- Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và xây dựng các công trình khác;
- Xây dựng công trình công nghiệp, công trình công cộng, nhà ở;
- Kinh doanh Bất động sản;
- Xây dựng các khu công nghiệp, cảng biển;
- Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, kinh doanh điện thương phẩm;

- Kinh doanh và xuất nhập khẩu: Phương tiện vận tải cơ giới chuyên dùng, chở hàng hóa, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng trong thi công xây dựng và phục vụ thi công xây dựng có trọng tải đến 40 tấn;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô xe máy;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Trang trí nội thất;
- Tư vấn xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (Trừ khoáng sản nhà nước cấm).

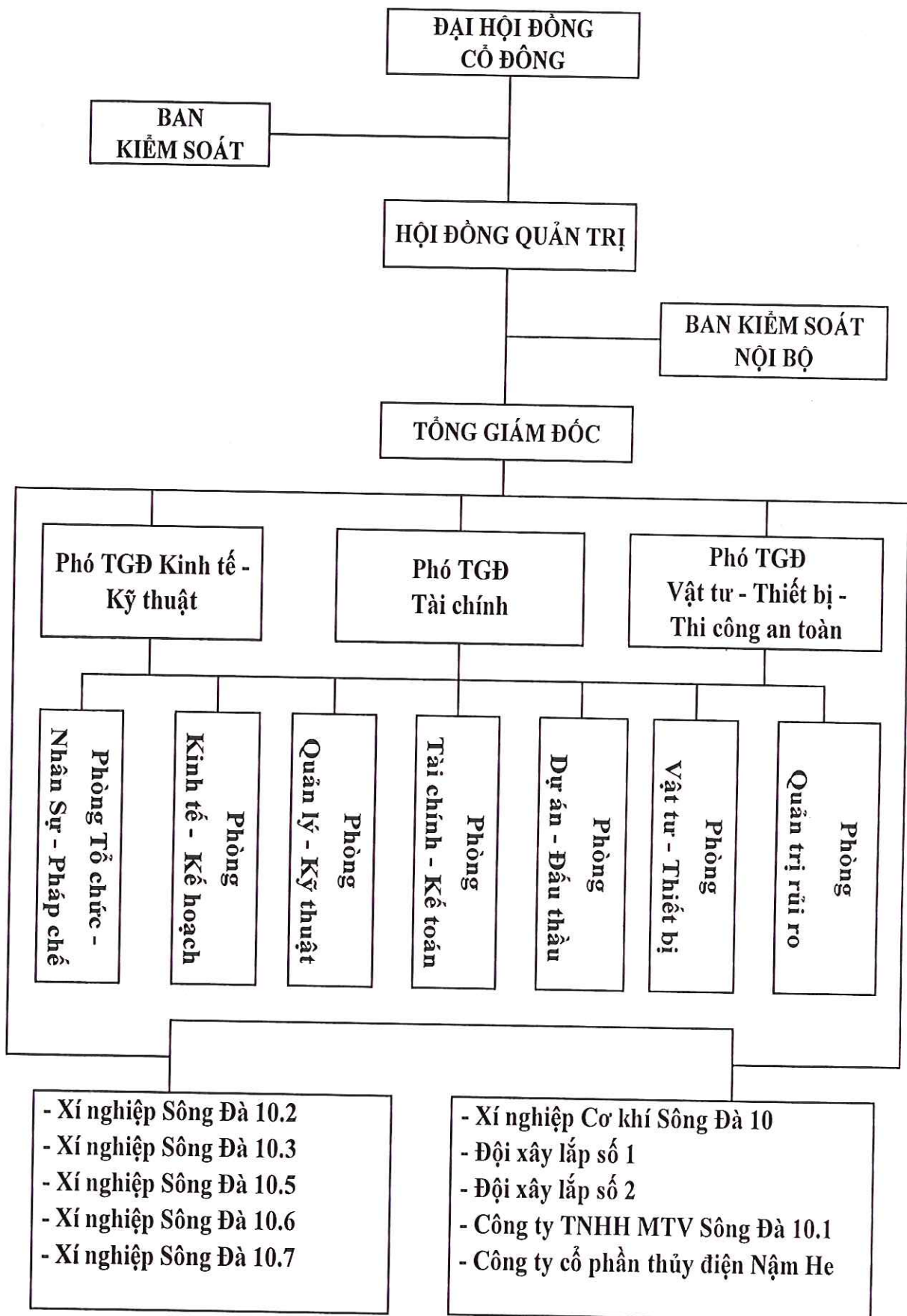
2.2 Địa bàn kinh doanh: Công ty tham gia thi công các công trình tại hầu hết các tỉnh thành trong cả nước và nước ngoài, năm 2019 Công ty chủ yếu thi công các công trình như:

- Tỉnh Kon Tum: Công trình thủy điện Thượng Kon Tum
- Thành phố Đà Nẵng: Công trình hầm Mũi Trâu
- Tỉnh Quảng Nam: Công trình thủy điện Đăkmi2
- Nước CHDCND Lào: Công trình thủy điện Namtheun; công trình thủy điện Xekaman3, Nam Emoun.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

- Thành phần Hội đồng Quản trị: Gồm 05 thành viên
- Thành phần Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên
- Thành phần Ban lãnh đạo Công ty: Gồm Tổng giám đốc, 03 phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết

a) Các công ty con

– Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 10.1

Địa chỉ: Xã Iamônông, Huyện Chưpăh, Tỉnh Gia Lai

Vốn điều lệ: 46.630.600.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty là: 100%

– Công ty cổ phần thủy điện Nậm He

Địa chỉ: Bản Mường Tùng, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên

Vốn điều lệ: 130.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, khai thác quặng sắt, sản xuất và kinh doanh điện năng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, xây dựng và lắp đặt trạm điện trung, cao thế, giám sát các công trình thủy điện.

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty là: 57,74%

b) Công ty liên kết

Công ty cổ phần Sông Đà 10.9

Địa chỉ: Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty là: 29,1%

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

– Phát triển bền vững theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa các dịch vụ xây lắp. Lấy hiệu quả kinh tế, sự phát triển bền vững của doanh nghiệp làm nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo hài hòa các lợi ích: Nhà nước, khách hàng, cổ đông và người lao động. Đóng góp ngày càng nhiều lợi ích cho cuộc sống con người và xã hội.

– Đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty, giữ vững thương hiệu là doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng các công trình ngầm, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

+ Tốc độ tăng trưởng trung bình 5-7%/năm;

- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu trung bình 4-6%;
- + Mô hình quản lý tối ưu, chuyên nghiệp, trình độ quản lý tiên tiến ngang tầm khu vực Đông Nam Á;
- + Bảo toàn và gia tăng vốn chủ sở hữu;
- + Chất lượng nguồn nhân lực và trình độ quản lý ngày càng được nâng cao;
- + Xe máy, thiết bị và công nghệ thi công ngày càng tân tiến.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

Xây dựng và thực hiện tốt “Đề án tái cấu trúc Công ty” giai đoạn 2021-2025 trong đó đặc biệt chú trọng các vấn đề sau:

- + Công tác sắp xếp tổ chức: Thực hiện việc sắp xếp lại các Xí nghiệp, các tổ đội sản xuất theo hướng tăng quy mô cả về nhân lực và máy móc thiết bị.

- + Sắp xếp lại các phòng ban cho phù hợp với tình hình mới

- + Thoái toàn bộ vốn các khoản đầu tư tài chính ngoài ngành không hiệu quả để tập trung vốn cho ngành nghề chính của Công ty. Thoái vốn tại Công ty cổ phần thủy điện Nậm He, Công ty cao su Phú riềng Kratie.

- + Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các hệ thống quản lý; Xây dựng và đưa vào áp dụng hệ thống các quy trình quản trị Công ty tiên tiến, phù hợp với thông lệ quốc tế. Sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ Công ty đến các đơn vị thành viên, tinh gọn, hiệu quả, đảm bảo cho sự điều hành tập trung, thống nhất thông suốt từ Công ty đến các đơn vị thành viên, đồng thời phát huy tính chủ động, năng động của đơn vị thành viên.

- Chiến lược quản lý, chỉ đạo điều hành trong sản xuất kinh doanh:

- + Xây dựng mô hình quản lý, điều hành Công ty phù hợp với trình độ khu vực, tiến tới phù hợp với trình độ thế giới.

- + Tập trung chỉ đạo điều hành các hoạt động, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo phù hợp với hoạt động của Công ty.

- + Xây dựng, hoàn thiện quy định về quản lý, tổ chức cán bộ theo hướng phân công, phân cấp hợp lý, đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy vai trò trách nhiệm của tổ chức, người đứng đầu tổ chức trong công tác cán bộ.

- + Tăng cường tính chủ động sáng tạo tự chịu trách nhiệm và nâng cao hiệu quả SXKD của các đơn vị thành viên. Tăng cường sự kiểm tra giám sát của Công ty, xây dựng và ban hành các chế tài cụ thể. Sử dụng các công nghệ, biện pháp hiện đại trong quản lý, điều hành SXKD.

- Chiến lược phát triển thị trường: Tiếp tục giữ vững mối quan hệ với các khách hàng truyền thống. Tập trung phát triển thị trường trong nước, mở rộng thị trường nước ngoài và nâng cao yếu tố cạnh tranh khi đấu thầu:

- + Thị trường trong nước: Giữ vững và tiếp tục tăng thị phần chiếm lĩnh thị trường trên phạm vi toàn quốc về các lĩnh vực: Xây dựng các công trình thủy điện,

xây dựng các công trình ngầm, khoan nổ phá đá, khoan phun gia cố, sử lý nền móng. Bám sát tiến độ đầu tư các dự án như: Các dự án thủy điện xây mới, mở rộng và thủy điện tích năng; Các dự án hầm đường bộ, đường sắt; Các dự án công trình ngầm trong lòng đất, Các dự án tàu điện ngầm trong thành phố để kịp thời tiếp thị, tìm kiếm việc làm thông qua hình thức đấu thầu, chỉ định thầu, liên danh.

+ Thị trường nước ngoài: Tiếp tục mở rộng thị trường sang các nước trong khu vực Đông Nam Á như: Lào, Campuchia và các nước khác nhằm khai thác tối đa, hiệu quả các nguồn lực khai thác mỏ và công trình giao thông.

+ Đẩy mạnh việc liên doanh, liên kết để thực hiện đấu thầu các gói thầu thi công không thuộc thế mạnh của Công ty. Mục tiêu cạnh tranh trong đấu thầu thông qua lợi thế về thương hiệu, uy tín và hiệu quả tổng hợp của 3 yếu tố: Chất lượng, giá cả, tiến độ.

– *Chiến lược nâng cao năng lực quản lý và thi công:* Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong công tác thiết kế và thi công. Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa thiết bị công nghệ thi công, tạo sản phẩm có chất lượng cao, phù hợp với thị trường và nhu cầu của khách hàng trong nước cũng như quốc tế để tăng khả năng cạnh tranh cho Công ty.

– *Chiến lược kinh tế, quản lý tài chính:*

+ Nâng cao chất lượng công tác ký kết hợp đồng kinh tế, chú trọng đến nguồn vốn và khả năng thanh toán của Chủ đầu tư.

+ Tiếp tục xây dựng các quy định nội bộ nhằm kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Công ty.

+ Tiếp tục thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả, không phù hợp với các ngành nghề truyền thống của Công ty.

– *Chiến lược phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:*

+ Phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn và tay nghề chất lượng cao đảm bảo năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế.

+ Ban hành các chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng, việc làm, phúc lợi xã hội, xem xét hỗ trợ một phần kinh phí và tạo điều kiện cho CBCNV học tập và nâng cao trình độ, nhằm khuyến khích CBCNV cũng như thu hút lực lượng lao động có trình độ cao về làm việc tại Công ty.

– *Chiến lược phát triển văn hóa doanh nghiệp và chính sách chất lượng:*

+ Tiếp tục vận dụng có hiệu quả hệ thống quản lý quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 trong toàn Công ty.

+ Duy trì và phát huy giá trị truyền thống, phát triển mọi nguồn lực với mục tiêu: Năng suất lao động, tiến độ thi công, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế ngày một tốt hơn, thỏa mãn tốt nhất mọi yêu cầu của khách hàng.

– *Chiến lược phát triển công nghệ thông tin:*

+ Tiếp tục nghiên cứu công nghệ thi công tàu điện ngầm, các công trình trong lòng đất để chuẩn bị sẵn sàng cho việc đầu tư các thiết bị công nghệ này khi có điều kiện khả thi;

+ Chuẩn hoá các quy trình quản lý dự án như quản lý chất lượng, tiến độ, quản lý rủi ro, quản lý vật tư thiết bị và quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường để theo kịp việc quản lý các dự án có quy mô lớn. Tập trung vào việc đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực hoạt động của Công ty và đầu tư cho công tác đào tạo của Công ty.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững

- Phát triển bền vững theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa các dịch vụ xây lắp.
- Lấy hiệu quả kinh tế, sự phát triển bền vững của doanh nghiệp làm nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo hài hòa các lợi ích: Nhà nước, khách hàng, cổ đông và người lao động.
- Tham gia các phong trào, hoạt động hỗ trợ cộng đồng, đóng góp ngày càng nhiều lợi ích cho cuộc sống con người và xã hội.

5. Các rủi ro

- Chính sách pháp luật, tín dụng thay đổi ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty.
- Tỷ giá, giá cả các loại vật tư đầu vào luôn thay đổi ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty và các hợp đồng Công ty ký.
- Ngày nay do các vấn đề về ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, nguồn tài nguyên thiên nhiên, năng lượng khan hiếm, cạn kiệt và sự mất cân bằng về môi trường sinh thái dẫn đến thị trường xây dựng các nhà máy thủy điện dần thu hẹp làm ảnh hưởng đến việc phát triển ngành nghề truyền thống của Công ty. Việc thâm nhập thị trường mới như tàu điện ngầm, nhà máy điện hạt nhân...vẫn là thách thức đối với Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình chung

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐH ngày 07/06/2019 của Đại hội đồng cổ đông, mặc dù bối cảnh chung còn nhiều thách thức, tuy nhiên tập thể lãnh đạo Công ty và toàn thể CBCNV cùng quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để thực hiện các mục tiêu sản xuất và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019, thể hiện qua các công tác như sau:

- Công tác chỉ đạo điều hành tại các công trình trọng điểm: Thực hiện giao ban trực tuyến hằng tuần đối với tất cả các đơn vị trực thuộc. Giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình thi công tại công trường và công tác điều hành SXKD.

- Công tác tổ chức các nguồn lực thi công: Tập trung đầy đủ các nguồn lực về vốn, con người và thiết bị sẵn sàng thi công theo kế hoạch. Ngoài ra Công ty thực hiện đầu tư nâng cao máy móc thiết bị nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất.
- Công tác thị trường: Trong năm 2019, Công ty đã tham gia chào giá, đấu thầu nhiều công trình trong nước và nước ngoài và đạt được kết quả như sau: Đã ký kết hợp đồng các gói thầu dự án thủy điện Đăkmi2 là 437 tỷ đồng; Ký hợp đồng ủy quyền với TCT Sông Đà thi công dự án thủy điện Xekaman3 giá trị 203 tỷ đồng; Ký bổ sung phụ lục hợp đồng công trình thủy điện Thượng Kon Tum 426 tỷ đồng; công trình Mũi Trâu 56 tỷ đồng. Thỏa thuận xong với nhà thầu chính để bổ sung phụ lục hợp đồng công tác đào và gia cố dự án thủy điện Nam theun và Nam - E Moun 52 tỷ đồng. Tổng giá trị ký hợp đồng các công trình năm 2019 là 1.223 tỷ đồng.
- Công tác tài chính - tín dụng: Đảm bảo đủ vốn phục vụ công tác sản xuất kinh doanh. Thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và chế độ cho người lao động. Thanh toán đúng hạn các khoản nợ với các tổ chức tín dụng và khách hàng, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Công tác thu hồi vốn được quan tâm và thực hiện nhiều biện pháp để thu hồi tối đa công nợ.
- Công tác quản lý kinh tế: Phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư, Tư vấn giải quyết kịp thời các vướng mắc về thi công tại công trường, các vấn đề kinh tế, cơ chế thanh toán,...nhằm đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán với Chủ đầu tư.
- Công tác quản lý kỹ thuật và an toàn lao động: Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về an toàn bảo hộ lao động trong thi công. Đặc biệt Công ty thường xuyên huấn luyện nội quy vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho người lao động. Theo dõi thường xuyên và bám sát tiến độ thi công tại các công trường.

b) Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.057,000	870,184	82%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.015,900	870,105	86%
3	Các khoản nộp Ngân sách	Tỷ đồng	43,780	14,656	33%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,290	22,575	64%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	28,230	17,736	63%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	13,000	11,898	92%
7	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	337,000	28,472	8%

Một số chỉ tiêu của Công ty không hoàn thành kế hoạch đề ra do:

- Sản lượng không đạt kế hoạch: Tại công trình thủy điện Nam - Emoun, Công ty phải giãn tiến độ thi công 06 tháng do Tổng thầu thực hiện công tác thiết kế kỹ thuật, bàn giao mặt bằng chậm so với kế hoạch đề ra (theo kế hoạch, bắt đầu

thi công từ tháng 4/2019 nhưng đến tháng 10/2019 Tổng thầu mới bàn giao được một số hạng mục để đơn vị thi công); Tại công trình thủy điện Xekaman 3 do Chủ đầu tư thiếu vốn nên Công ty tạm dừng thi công; Ngoài ra 300 tỷ đồng sản lượng tại các công trình dự kiến ký hợp đồng và thực hiện trong năm 2019 không đạt theo kế hoạch đề ra.

- Doanh thu chỉ đạt 86% kế hoạch: Do chỉ tiêu sản lượng không đạt kế hoạch làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu; ngoài ra theo kế hoạch thì năm 2019 sẽ thu hết giá trị dở dang của một số công trình có giá trị dở dang của các năm chuyển sang, tuy nhiên vì lý do khách quan dẫn đến các giá trị này chưa được nghiệm thu thanh toán như: Công trình Đèo Cả; Huội Quảng; Trạm Tầu, Sử Pán, Xekaman3 giai đoạn đầu.

- Lợi nhuận không đạt kế hoạch:

+ Do doanh thu không đạt kế hoạch dẫn đến lợi nhuận không đạt;

+ Năm 2019, Công ty chủ yếu thi công các công trình đấu thầu, mức độ cạnh tranh cao, do vậy tỷ suất lợi nhuận tại các công trình này thấp hơn so với các năm trước (giảm mạnh từ 15-16% xuống còn 10-11%).

+ Do chi phí lãi vay: Trong năm 2019, Công ty có các khoản công nợ phải thu tiền khối lượng xây lắp với số tiền lớn chưa thu hồi được do Chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn thanh toán (công trình thủy điện Xekaman1, Xekaman3, Nậm Chiến, Nậm He,...). Để giải quyết nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty đã phải tăng nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng dẫn đến chi phí lãi vay vẫn cao, theo đó làm giảm lợi nhuận của Công ty.

- Chỉ tiêu nộp Ngân sách:

+ Năm 2019 công trình thi công tại nước ngoài (thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra là 0%), theo đó giảm một phần chỉ tiêu nộp Ngân sách;

+ Chỉ tiêu lợi nhuận giảm dẫn đến Công ty không đạt nghĩa vụ Ngân sách.

- Chỉ tiêu giá trị đầu tư: Trong năm 2019, một số công trình chậm bàn giao mặt bằng, tiến độ thi công làm ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư thiết bị của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

– Ông Trần Văn Tấn

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

Giới tính: Nam, sinh ngày: 19/11/1961

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hoàng Nam, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: Phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 024 37683998

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 6.024.753 cổ phần. Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 24.753 cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn của Nhà nước : 6.000.000 cổ phần

Quá trình Công tác

- 5/1985 - 10/1987 : Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Hàm 2, Công ty XD Công trình ngầm tại Hòa Bình.
- 11/1987 - 12/1989 : Khu trưởng Xí nghiệp Hàm 2, Công ty XD Công trình Ngầm, thủy điện Hòa Bình.
- 01/1990 - 12/1993 : Phó giám đốc Xí nghiệp hàm 2, Công ty xây dựng công trình ngầm, thủy điện Hòa Bình.
- 01/1994 - 07/2000 : Phó giám đốc Xí nghiệp hàm 2, Công ty xây dựng công trình ngầm, thủy điện Yaly, Gia Lai
- 8/2001 - 05/2003 : Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.2, Công ty Sông Đà 10
- 12/2003 - 07/2011 : Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.6, Công ty cổ phần Sông Đà 10.
- 08/2011 - 04/2015 : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 10 kiêm giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.6
- 04/2015 đến nay : Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 10.

– Ông Lục Đức Tiến

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty

Giới tính: Nam, sinh ngày: 02/01/1962

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Vân An, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Phường Tân Thịnh, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Số điện thoại liên lạc: 024 37684839

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu hầm

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 2.340 cổ phần.

Quá trình công tác

- 9/1986 - 9/1988 : Nhân viên kỹ thuật hiện trường, Xí nghiệp 1, Công ty xây dựng công trình ngầm tại Hòa Bình
- 10/1988 - 8/1989 : Kíp trưởng Xí nghiệp hầm 1, Công ty XD CT ngầm.
- 9/1989 - 10/1990 : Khu trưởng Xí nghiệp hầm 1, Công ty XD CT ngầm.
- 11/1990 - 12/1993 : Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty XD CT ngầm
- 1/1994 - 11/1997 : Phó phòng kỹ thuật Công ty XD công trình ngầm
- 12/1997 - 12/2000 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Sông Đà 10
- 1/2001 - 12/2001 : Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Sông Đà 10
- 1/2002 - 12/2005 : Phó giám đốc Công ty Sông Đà 10
- 01/2006 Đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 10

– **Ông Trần Đình Tú**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty

Giới tính: Nam, sinh ngày: 21/05/1972

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Quê quán: Gia Vượng, Gia Viễn, Ninh Bình

Số điện thoại liên lạc: 024 37683998

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần.

Quá trình Công tác

- 6/1994 - 11/1997 : Nhân viên phòng KTKH - Công ty Sông Đà 4
- 11/1997 - 8/1998 : Phó Kế toán trưởng - Công ty Sông Đà 10 - tại Biên Hòa - Đồng Nai
- 8/1998 - 6/2003 : Trưởng ban Tài chính Kế toán - Công ty Sông Đà 8
- 6/2003 - 01/2005 : Nhân viên phòng TCKT Công ty Sông Đà 10
- 02/2005 - 04/2010 : Phó Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 10
- 05/2010 - 03/2017 : Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 10
- 04/2017 - 9/2018 : Trưởng phòng kiểm soát nội bộ CTCP Sông Đà 10
- 10/2018 đến nay : Phó Tổng giám đốc CTCP Sông Đà 10

– **Ông Nguyễn Thế Bảo**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty

Giới tính: Nam, sinh ngày: 12/02/1969

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Quê quán: Trục Đông, Trục Ninh, Nam Định

Số điện thoại liên lạc: 024 37683998

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần.

Quá trình Công tác

7/1993 - 9/1994 : Cán bộ kỹ thuật cơ khí, Công ty XDCT Ngâm
10/1997 - 12/2004 : Quản đốc phân xưởng sửa chữa - XN Cơ khí
1/2005 - 10/2017 : Phó giám đốc XN Sông Đà 10.2
11/2017 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 10

– Ông Nguyễn Trung Kiên

Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty

Giới tính: Nam, sinh ngày: 20/09/1981

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Quê quán: Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 024 37683998

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.170 cổ phần.

Quá trình Công tác

8/2003 - 10/2005 : Nhân viên phòng TCKT - XN Sông Đà 10.3 - Công ty Sông Đà 10
11/2005 - 10/2006 : Phó Kế toán trưởng XN Sông Đà 10.3 - Công ty Sông Đà 10
11/2006 - 4/2008 : Kế toán trưởng chi nhánh Sông Đà 4.10 - Công ty Sông Đà 4
8/2008 - 12/2015 : Kế toán trưởng XN Sông Đà 10.6 - CTCP Sông Đà 10
01/2016 - 2/2017 : Phó ban Kiểm soát nội bộ Công ty
3/2017 đến nay : Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 10

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có thay đổi về mặt tổ chức trong Ban điều hành của Công ty.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và những thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số CBCNV của Công ty là: 896 người.
- Định biên lực lượng lao động trong toàn Công ty từ các Xí nghiệp, phòng ban đến các Tổ, Đội sản xuất.
- Giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động.
- Huấn luyện công tác an toàn vệ sinh lao động, trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động.

– Ban hành chế độ trợ cấp lương chờ việc cho các công trình: Xekaman3; Nam - Emoun; Namtheun.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) **Các khoản đầu tư lớn:** Trong năm 2019 Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị và đầu tư góp vốn với tổng giá trị là: 28,472 tỷ đồng.

Trong đó: + Đầu tư các dự án nâng cao năng lực thi công : 16,541 tỷ đồng

+ Góp vốn vào dự án La Sơn Túy Loan : 11,931 tỷ đồng

b) **Các Công ty con, Công ty liên kết:** Trong năm 2019, Công ty không đầu tư thêm vào các Công ty con, Công ty liên kết. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu trong năm của các công ty như sau:

b.1 Công ty con:

– Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1

+ Giá trị SXKD : 96,417 tỷ đồng

+ Doanh thu: : 135,363 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế : 209 triệu đồng

– Công ty CP thủy điện Nậm He

+ Giá trị SXKD : 54,135 tỷ đồng

+ Doanh thu : 49,214 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế (lỗ) :(16,998) tỷ đồng

b.2 Công ty liên kết:

– Công ty CP Sông Đà 10.9

+ Giá trị SXKD : 139,145 tỷ đồng

+ Doanh thu : 137,657 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế (lỗ) : (3,293) tỷ đồng

4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

a) Tình hình tài chính (Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.304.728.964.245	2.296.197.406.646	-0,4%
Doanh thu thuần	1.483.396.686.229	870.105.109.893	-41,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37.933.511.062	20.734.222.092	-45,3%
Lợi nhuận khác	2.924.661.484	1.841.187.531	-37,0%
Lợi nhuận trước thuế	40.858.172.546	22.575.409.623	-44,7%
Lợi nhuận sau thuế	32.698.944.300	17.736.266.446	-45,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (năm 2019 dự kiến)	4%	4,0%	0,0%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,40	1,39	
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,11	1,08	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,64	0,64	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,77	1,80	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	2,49	1,67	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,64	0,38	
4. Chỉ tiêu sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,20%	2,04%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,93%	2,16%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,42%	0,77%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,56%	2,38%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 42.732.311 cổ phần

Tổng số cổ phần chuyển nhượng tự do : 42.732.311 cổ phần

Số phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm 24/01/2019

STT	Nội dung	Số lượng cổ đồng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (Cổ đồng lớn và cổ đồng nhỏ)	1.366	42.732.311	100%
	- Cổ đồng lớn	1	26.607.407	62,27%
	- Cổ đồng nhỏ	1.365	16.124.904	37,73%
2	Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (Cổ đồng tổ chức và cổ đồng cá nhân)	1.366	42.732.311	100%
	- Cổ đồng tổ chức	36	31.015.888	72,58%
	- Cổ đồng cá nhân	1.330	11.716.423	27,42%
3	Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (Cổ đồng trong nước và cổ đồng nước ngoài)	1.366	42.732.311	100%
	- Cổ đồng trong nước	1.292	40.423.293	94,60%
	- Cổ đồng nước ngoài	74	2.309.018	5,40%
4	Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (Cổ đồng nhà nước và cổ đồng khác)	1.366	42.732.311	100%
	- Cổ đồng Nhà nước	1	26.607.407	62,27%
	- Cổ đồng khác	1.365	16.124.904	37,73%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm 2019 Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Năm 2019 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, hầm đường bộ. Nguyên vật liệu chủ yếu dùng cho hoạt động này bao gồm: Vật liệu nổ, vật liệu khoan, xi măng, sắt thép, cát, đá,...

Công ty đã ban hành đầy đủ các quy định về mua sắm, quản lý và sử dụng nguồn nguyên vật liệu đầu vào. Phân cấp quản lý từ cấp cơ sở

6.2 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản tại các công trình, các biện pháp xử lý chất thải độc hại sản sinh trong quá trình thi công theo yêu cầu.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.3 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: 896 người. Mức lương trung bình: 11,898 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- + Giải quyết đầy đủ chế độ về tiền lương và chế độ khác cho người lao động;
- + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về chế độ bảo hiểm đối với người lao động;
- + Hằng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;
- + Thường xuyên thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo CBCNV như: Đào tạo thực hành nghề khoan hầm cho 65 người. Thực hiện liên kết đào tạo nghề khoan nổ mìn cho 62 người (bổ sung thêm nghề thứ 2). Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an toàn sử dụng vật liệu nổ cho 78 người. Ngoài ra, định kỳ tổ chức các lớp đào tạo thợ vận hành thiết bị.

6.4 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

+ Công ty chấp hành nghiêm túc các quy định của địa phương tại nơi tham gia công trình xây dựng;

- + Tham gia đầy đủ các hoạt động cộng đồng do địa phương phát động;
- + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về hỗ trợ tài chính phục vụ an sinh xã hội.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– **Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch:** Năm 2019, Ban Tổng giám đốc đã tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty để hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế, kết quả đạt được như sau:

- + Giá trị SXKD: Thực hiện 870,184 tỷ đồng/kế hoạch 1.057 tỷ đồng, đạt 82%
- + Doanh thu: Thực hiện 870,105 tỷ đồng/kế hoạch 1.016 tỷ đồng, đạt 86%
- + Các khoản nộp Nhà nước: Thực hiện 14,656 tỷ đồng/kế hoạch 43,780 tỷ đồng, đạt 33%
- + Lợi nhuận trước thuế: Thực hiện 22,575 tỷ đồng/KH 35,290 tỷ đồng, đạt 64%
- + Lợi nhuận sau thuế: Thực hiện 17,736 tỷ đồng/KH 28,230 tỷ đồng, đạt 63%
- + Thu nhập bình quân người/tháng: Thực hiện 11,898 triệu đồng/kế hoạch 13,0 triệu đồng, đạt 92%
- + Giá trị đầu tư: Thực hiện 28,472 tỷ đồng/kế hoạch 337,0 tỷ đồng, đạt 8%
- + Tỷ lệ cổ tức: Dự kiến 4%/kế hoạch 6,0%, đạt 66,67%

Báo cáo các chỉ tiêu kinh tế không đạt kế hoạch:

Công ty không hoàn thành chỉ tiêu về lợi nhuận, khoản nộp Ngân sách và giá trị đầu tư so với kế hoạch: Nguyên nhân đã phân tích tại mục II.1.b

– **Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

Mặc dù trong năm điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng với tinh thần đoàn kết, sự quyết tâm của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, kết quả hoàn thành các mục tiêu như sau:

+ Hoàn thành các mục tiêu tiến độ thi công tại các công trình đang thi công (Ngoại trừ công trình do Chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng).

+ Đảm bảo đủ nguồn lực về: Thiết bị, lực lượng lao động phục vụ sản xuất.

+ Duy trì và đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động của Công ty. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Thanh toán đầy đủ các chế độ cho người lao động. Thanh toán đúng hạn các khoản vay với các tổ chức tín dụng và khách hàng không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn.

+ Sửa và ban hành lại Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp.

+ Thực hiện kiểm tra, giám sát trong nội bộ Công ty theo kế hoạch.

+ Tổ chức giao ban trực tuyến hàng tuần trong toàn Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Quy mô tổng tài sản của Công ty trong năm 2019 không có sự biến động nhiều. Theo đó cơ cấu tài sản ít thay đổi. Khoản công nợ phải thu khách hàng; khoản trả trước cho khách hàng và khoản nợ ngắn hạn đã giảm so với đầu năm.

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình công nợ phải trả của toàn Công ty tăng nhẹ so với đầu năm, mặc dù khoản nợ khách hàng, ngân hàng, ngân sách, nợ CBCNV, các khoản nợ khác đã giảm so với đầu năm. Tuy nhiên trong năm, Công ty ký một số hợp đồng thi công công trình mới, theo đó khoản ứng trước của khách hàng cho Công ty tăng lên, theo đó tổng số nợ phải trả cuối năm so với đầu năm biến động tăng (mức tăng không đáng kể: tăng 0,17%)

- Nợ phải trả/Tổng tài sản	: 64,25%
- Nợ ngắn hạn/Tổng tài sản	: 61,91%
- Nợ phải trả Ngân hàng/Nợ phải trả	: 47,72%
- Nợ phải trả khách hàng/Nợ phải trả	: 25,53%

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục sắp xếp quy mô các đơn vị trực thuộc, các tổ đội sản xuất tại các đơn vị để khai thác tối đa hiệu suất làm việc của thiết bị và nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực;

- Triển khai các lớp bồi dưỡng quản trị doanh nghiệp cho cán bộ quản lý, đào tạo lớp thực hành nghề khoan, nổ mìn, phun vữa, bổ túc nâng cao tay nghề cho công nhân lao động;

- Tập trung chỉ đạo thi công tại các công trình trọng điểm. Đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tiến độ cam kết với Chủ đầu tư. Trong đó đặc biệt chú trọng đến việc tổ chức thi công các công trình: Nam E - Moun, Đăkmi2;
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành trong công tác nghiệm thu thanh toán để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020;
- Tiếp tục tham gia tiếp thị, đấu thầu các dự án đã có chủ trương đầu tư được phê duyệt với tư cách là nhà thầu độc lập, liên danh hoặc là nhà thầu phụ. Dự kiến năm 2020, Công ty phải ký được 1.000 đến 1.200 tỷ đồng gồm các dự án:
 - + Các dự án giao thông: Tuyến cao tốc Ninh Bình - Thanh Hóa; dự án cải tạo hệ thống hầm đường sắt Bắc - Nam; dự án xây dựng mới hầm đường sắt Khe Nét,...
 - + Các dự án thủy điện: Yaly mở rộng; Hòa Bình mở rộng.
- Giải quyết dứt điểm các vướng mắc về kinh tế với Chủ đầu tư;
- Tiếp tục rà soát, phân loại, lập kế hoạch và biện pháp chi tiết thu hồi các khoản công nợ, đặc biệt các khoản nợ khó đòi, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ sản xuất.;
- Tiếp tục thoái vốn tại các doanh nghiệp không thuộc ngành nghề chính của Công ty hoặc doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả;
- Sắp xếp hợp lý, nguồn lực về con người và thiết bị trước khi thi công;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro trên toàn diện các lĩnh vực của Công ty;
- Tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình, biện pháp kỹ thuật an toàn trong thi công. Huấn luyện an toàn cho người lao động trước khi vận hành máy móc thiết bị, an toàn trong công tác vận chuyển, bảo quản sử dụng vật liệu nổ và công tác phòng chống cháy nổ;
- Tăng cường công tác quản lý tiến độ thi công và giám sát, nghiệm thu chất lượng nội bộ. Nghiên cứu đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng công tác thiết kế biện pháp tổ chức thi công nhằm đưa ra các công nghệ, biện pháp thi công tối ưu nhất để đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm giá thành;
- Nâng cao chất lượng các nguồn lực, đảm bảo đời sống cho CBCNV, tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp giữ vững uy tín của Công ty. Tăng cường hơn nữa các phong trào thi đua lao động sản xuất nhằm phát huy tối đa năng suất lao động của thiết bị và con người;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019

(Số liệu chi tiết và phân tích nguyên nhân đã nêu tại mục II.1.b)

Tuy có nhiều khó khăn như đã phân tích tại mục II.1.b, nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì hoạt động ổn định, bảo toàn vốn, đặc biệt là đảm bảo tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký kết với các Chủ đầu tư.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm qua tập thể HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ đã thông qua để chỉ đạo các mặt hoạt động SXKD Công ty, trong đó bao gồm các nội dung quan trọng như sau:
- Tổ chức nghiên cứu, xây dựng các báo cáo, kế hoạch để trình cấp có thẩm quyền (kế hoạch năm) hoặc ban hành để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện (KH quý).
- Giải quyết, chỉ đạo kịp thời các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- Giám sát Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- Chỉ đạo thực hiện các thủ tục đầu tư, vay vốn để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo công tác tiếp thị, đầu thầu. Tổng giá trị ký được hợp đồng trong năm 2019 là 1.223 tỷ đồng đạt 102% KH năm 2019 (1.200 tỷ đồng)

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

- HĐQT đã thực hiện việc giám sát đối với ban Tổng giám đốc theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty do HĐQT ban hành.
- HĐQT đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc. Hàng quý đều tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết phê duyệt kế hoạch SXKD quý và kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD của quý trước. Việc chấp hành các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc điều hành của Tổng giám đốc.
- Yêu cầu Tổng giám đốc trình duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, sau khi được phê duyệt mới triển khai thực hiện.
- Đã phối hợp với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra định kỳ kết quả SXKD và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Xét trên khía cạnh trọng yếu, Hội đồng quản trị chưa thấy có gì bất thường trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm 2019.

4. Kế hoạch năm 2020, nhiệm vụ trọng tâm và phương hướng hoạt động

4.1 Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020

- Giá trị SXKD: 970,000 tỷ đồng
- Doanh thu: 1.064,900 tỷ đồng
- Các khoản nộp Ngân sách: 38,400 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 29,800 tỷ đồng

- Thu nhập BQ người/tháng: 14,0 triệu đồng
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến: 6,0%

4.2 Những thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Tình hình kinh tế, chính trị của đất nước ổn định, lãi suất cho vay đang duy trì ở mức trung bình từ 9 - 11%/năm;
- Các lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông, năng lượng tiếp tục được nhiều doanh nghiệp ưu tiên đầu tư;
- Thị trường xây dựng các đường hầm giao thông vẫn còn nhiều tiềm năng;
- Phần lớn giá trị sản lượng kế hoạch năm 2020 của Công ty đã có hợp đồng.

b) Khó khăn

- Tình hình dịch bệnh (Covid-19) diễn biến hết sức nghiêm trọng và tiềm ẩn những nguy cơ khó lường, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và hoạt động Công ty nói riêng. Đặc biệt là trong năm 2020, sản lượng chính của Công ty là các công trình ở nước ngoài nên việc đi lại qua các cửa khẩu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty;
- Công tác thu hồi công nợ của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do Chủ đầu tư thiếu vốn, dẫn đến nguồn vốn cho SXKD bị ảnh hưởng;
- Việc cạnh tranh quyết liệt trong công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm dẫn đến hiệu quả SXKD của Công ty không được cao so với các năm trước;
- Lực lượng thiết bị thi công hiện nay của Công ty bị thiếu, số còn lại hầu hết đã hết khấu hao, không đáp ứng được yêu cầu công việc. Áp lực huy động vốn cho công tác đầu tư thiết bị mới là rất lớn;
- Lực lượng cán bộ công nhân viên đang bị thiếu hụt, việc tuyển dụng gặp nhiều khó khăn đặc biệt là đối với công nhân kỹ thuật.

4.3 Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ

Với những thuận lợi, khó khăn và tình hình thực tế của Công ty, để hoàn thành các mục tiêu năm 2020, HĐQT Công ty đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, chỉ đạo xây dựng hệ thống kế hoạch SXKD năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông.
- Giữ hoạt động của Công ty ổn định, đáp ứng được các yêu cầu công việc theo các hợp đồng đã ký kết. Củng cố và nâng cao năng lực thi công, hiệu quả hoạt động quản lý điều hành của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch SXKD ngắn hạn và dài hạn để trình ĐHCĐ thông qua. Xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD quý được ĐHCĐ và HĐQT thông qua.
- Đôn đốc và chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ, nghiệm thu thanh toán và công tác tài chính - tín dụng để đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ SXKD.

- Chỉ đạo thực hiện đầu tư thiết bị thi công theo các Dự án đầu tư đã được phê duyệt để kịp thời đáp ứng yêu cầu thi công.
- Chỉ đạo công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm đủ việc làm cho năm 2020 và những năm tiếp theo. Mục tiêu trong năm 2020 phải ký hợp đồng nhận thầu thi công với giá trị 1.000 - 1.200 tỷ đồng.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Thủy điện Nậm He.
- Rà soát bộ máy tổ chức, sắp xếp tinh gọn đảm bảo hiệu quả phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.
- Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị: Gồm 05 thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Trần Tuấn Linh	Chủ tịch HĐQT	11.000.000	25,74%	
2	Trần Văn Tấn	TV. HĐQT kiêm Tổng giám đốc	6.024.753	14,10%	
3	Hoàng Ngọc Tú	TV. HĐQT			Miễn nhiệm ngày 07/6/2019
4	Bùi Xuân Thi	TV. HĐQT-	6.002.196	14,05%	Từ ngày 07/6/2019
5	Đỗ Đức Mạnh	TV. HĐQT	300.000	0,70%	
6	Lục Đức Tiến	Phó TGD - TV HĐQT	2.340	0,01%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập tiểu ban. Các thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ theo phân công, trong đó có sự phân công cụ thể từng lĩnh vực đối với các thành viên.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát đối với ban Tổng giám đốc theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ do HĐQT ban hành. Trong năm đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, các thành phần tham gia dự họp đầy đủ.

Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 14 phiên họp. Nội dung và kết quả của các cuộc họp quyết định các vấn đề cơ bản sau đây:

STT	Phiên họp	Nội dung chủ yếu	Số thành viên tham dự họp	Kết quả biểu quyết tán thành
1	Ngày 20/02/2019	Xem xét kết quả SXKD 2018, kế hoạch Quý 1/2019	4	100%
2	Ngày 23/02/2019	Thành lập BDH Dự án thủy điện Nam Emoun	5	100%
3	Ngày 08/04/2019	Xem xét Dự án đầu tư thiết bị thi công	5	100%
4	Ngày 05/04/2019	Trình công ty mẹ - TCT Sông Đà để bầu thay thế Kiểm soát viên	5	100%
5	Ngày 18/04/2019	Xem xét kết quả SXKD Quý 1, kế hoạch Quý 2	4	100%
6	Ngày 10/07/2019	Xem xét công tác cán bộ của các đơn vị trực thuộc	5	100%
7	Ngày 01/08/2019	Xem xét kết quả SXKD Quý 2 và 6 tháng đầu năm, kế hoạch Quý 3 và 6 tháng cuối năm	5	100%
8	Ngày 05/09/2019	Xem xét kết quả đánh giá Hồ sơ kỹ thuật gói thầu đầu tư 22 ô tô tự đổ	5	100%
9	Ngày 26/09/2019	Xem xét hợp đồng thuê thầu phụ làm hệ thống ITS và PCCC công trình hầm Mũi Trâu	5	100%
10	Ngày 02/10/2019	Xem xét công tác cán bộ của XN Sông Đà 10.2	5	100%
11	Ngày 28/09/2019	Đánh giá Hồ sơ kỹ thuật gói thầu Đầu tư 05 máy xúc	5	100%
12	Ngày 22/11/2019	Xem xét kết quả SXKD Quý 3 và kế hoạch Quý 4	5	100%
13	Ngày 30/09/2019	Đánh giá Hồ sơ kỹ thuật gói thầu Đầu tư 04 máy khoan	5	100%
14	Ngày 11/12/2019	Kết quả đấu thầu gói thầu Máy phát điện Thoái vốn tại CTCP thủy điện Nậm He	4	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

– Nhiệm vụ của thành viên hội đồng quản trị độc lập giống như trách nhiệm và nghĩa vụ của một thành viên HĐQT khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan. Theo đó thành viên HĐQT độc lập có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối đa của cổ đông và của Công ty.

– Thành viên HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT Công ty và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề đưa ra thảo luận.

e) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị

Do chưa sắp xếp được thời gian nên các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty chưa tham dự các lớp học về quản trị công ty tại các cơ sở được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công nhận.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên sau đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Phạm Thị Thanh Loan	Trưởng ban	3.307.407	7,74%	
2	Lê Thị Mai Hương	Thành viên			
3	Nguyễn Văn Thanh	Thành viên			

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

b.1 Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát

Năm 2019, Ban kiểm soát (BKS) đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty thường xuyên và kiểm tra trực tiếp được tiến hành định kỳ đã được ĐHCĐ thông qua, kết quả như sau :

– Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty do Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc, các phòng chức năng của công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; xem xét các Tờ trình của Tổng giám đốc, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT Công ty khi được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp;
- Xem xét kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư, công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế; Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;
- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2019;
- BKS được cung cấp thông tin về các Quyết định của HĐQT, trên cơ sở đó kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định trên;
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2019.
- Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao phó.

b.2 Số lượng, nội dung và kết quả các cuộc họp của BKS

STT	Phiên họp	Nội dung	Số thành viên tham dự	Kết quả biểu quyết thông qua
1	Ngày 25/01/2019	Thông qua đề cương kiểm tra rà soát định kỳ năm 2019	3/3	100%
2	Ngày 25/3/2019	Thông qua dự thảo báo cáo kiểm tra rà soát năm 2019	3/3	100%
3	Ngày 18/4/2019	Thông qua báo cáo ĐH CD thường niên 2019	3/3	100%
4	Ngày 13/5/2019	Thông qua nội dung kiểm tra chuyên đề của năm 2019	3/3	100%
5	Ngày 14/6/2019	Phân công nhiệm vụ BKS	3/3	100%
6	Ngày 7/11/2019	Thống nhất chương trình, kế hoạch kiểm tra rà soát 9 tháng năm 2019	3/3	100%
7	Ngày 7/11/2019	Thống nhất biên bản kiểm tra rà soát 9 tháng năm 2019	3/3	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích : (Đơn vị tính: Đồng)

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Tổng cộng	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1+2	4
1	Trần Tuấn Linh	Chủ tịch HĐQT	540.000.000		540.000.000	
2	Trần Văn Tấn	TV HĐQT kiêm TGD	420.000.000	72.000.000	492.000.000	
3	Lục Đức Tiến	TV HĐQT kiêm P.TGD	360.000.000	72.000.000	432.000.000	
4	Đỗ Đức Mạnh	TV HĐQT		72.000.000	72.000.000	
5	Bùi Xuân Thi	TV HĐQT	384.000.000			
6	Nguyễn Thế Bảo	Phó TGD	360.000.000		360.000.000	Từ ngày 07/6/2019
7	Trần Đình Tú	Phó TGD	360.000.000		360.000.000	
8	Phạm Thị Thanh Loan	Trưởng BKS	312.000.000		312.000.000	
9	Lê Thị Mai Hương	TV BKS		48.000.000	48.000.000	
10	Phạm Hoàng Thái	TV BKS		20.933.333	20.933.333	Đến ngày 07/6/2019
11	Nguyễn Văn Thanh	TV BKS		27.066.667	27.066.667	Từ ngày 07/6/2019
	Tổng cộng		2.736.000.000	312.000.000	2.664.000.000	

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có

c) **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về quản trị Công ty. Thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị Công ty hằng quý, bán niên và hằng năm đến các cơ quan quản lý Nhà nước và các nhà đầu tư.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán: Trích ý kiến của Kiểm toán tại thư kiểm toán số: 281/BCKT-TC/AVA ngày 18/03/2020 như sau:

“...Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Địa chỉ Website công bố, cung cấp báo cáo tài chính của Công ty: songda10.com.vn

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm:

- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: TCKT.

guk

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đài
TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Kiên

189357

(

Handwritten text, possibly a signature or initials, located in the lower center of the page.

Handwritten text at the bottom of the page, possibly a date or reference number.